

Khung trình độ quốc gia Việt Nam và Phát triển chương trình đào tạo đại học

**Vietnamese Qualifications Framework and
Curriculum Development in Higher Education**

June 2, 2017

Nha Trang, Vietnam



TS. Trần Hồng Thủy



Họ tên: Trần Hồng Thủy Năm sinh: 1973

Đơn vị: Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội – Số 1 – Đại Cồ Việt Hà Nội

Email: thuy.tranhong@hust.edu.vn

Hiện nay đang giảng dạy tại Bộ môn Tiếng Anh Chuyên nghiệp – Viện Ngoại Ngữ - Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Trưởng nhóm Tiếng Anh chuyên ngành Hoá-Môi trường.

Hướng nghiên cứu về phương pháp giảng dạy, đánh giá chương trình và xây dựng giáo trình tiếng Anh chuyên ngành.

Personal information

Full name: Thuy Hong Tran | Year of birth: 1973

Institution: Hanoi University of Science and Technology – No. 1 Dai Co Viet Road, Hanoi – Vietnam

Email: thuy.tranhong@hust.edu.vn

Lecturer at Department of Professional English- School of Foreign Languages – Hanoi University of Science and Technology.

Group leader specializing for English for Chemistry and Environmental Science. - Interest of research on teaching methodology, training program assessment and ESP material development.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ CAO Ở VIỆT NAM THÔNG QUA HỢP TÁC NHÀ TRƯỜNG-DOANH NGHIỆP

TS. Trần Hồng Thủy⁸¹, Lê Chí Hiếu⁸², Nguyễn Văn Duy⁸³, Trần Đức Tăng⁸⁴, Lê Bảo Trung⁸⁵ và Mai Anh Tuấn⁸⁶.

TÓM TẮT

Theo thống kê, năm 2016 ở Việt Nam, có trên 220 ngàn sinh viên không có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Một trong những nguyên nhân của hiện trạng nêu trên là sinh viên ra trường không có đủ kỹ năng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, kinh doanh. Khả năng có việc làm là chủ đề bền vững và có ý nghĩa trong giáo dục đại học và được nhiều viện nghiên cứu, trường đại học quan tâm nghiên cứu. Ngày nay, khả năng có việc làm của sinh viên là một trong những tiêu chuẩn bắt buộc khi đánh giá, xếp hạng trường đại học. Do đó, cải thiện khả năng có việc làm cho sinh viên đã trở nên rất có ý nghĩa và là điều kiện tồn tại và phát triển của cơ sở giáo dục. Hợp tác doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu trong trường đại học sẽ góp phần phát triển kỹ năng nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và làm tăng cơ hội có việc làm phù hợp của sinh viên sau khi ra trường.

Từ khóa: việc làm phù hợp, liên kết doanh nghiệp-nhà trường, khả năng có việc làm

ABSTRACT

According to recent analysis, in Vietnam, more than 220 thousand students could not find a decent work after their graduation in 2016. One of the reasons for the above-mentioned fact is that the essential skills that a student holds do not meet the requirements of the company in terms of research, development as well as business activities. In higher education, the employability is a sustainable and meaningful topic that attracts attention of many research centres and universities. Enhancement of the student's employability has become a key and important factor in the development of a university because it is one of a must-have evaluation categories of the society about ranking a university. Collaboration between enterprises and research groups in universities will contribute to improve the skills of the students in research, manufacturing and, in turn, enhance their employability after the graduation.

Keywords: Decent work, university-enterprise collaboration, employability

1. Giới thiệu

Với sự đòi hỏi ngày càng cao của môi trường công nghiệp, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá là xu hướng không thể tránh khỏi, sinh viên sau khi tốt nghiệp muốn tìm được công việc phù hợp cần phải trang bị thêm nhiều kỹ năng bên cạnh kiến thức văn hoá mà họ được đào tạo tại trường đại học. Thu hẹp sự khác biệt và góp phần làm cho sinh viên tự tin hơn khi ra trường, đi xin việc chính là một trong những nhiệm vụ của trường đại học. Đây cũng chính là một trong những điểm mạnh mà mỗi trường đại học có thể sử dụng để tạo yếu tố cạnh tranh khi tuyển sinh đầu vào. Thêm vào đó, trong bối cảnh có sự cạnh tranh gay gắt về nguồn tuyển sinh hàng năm, nhiều trường đã bắt đầu thực hiện các cuộc điều tra để thống kê khả năng có việc làm phù hợp

⁸¹ Đại học Bách Khoa Hà Nội, Số 1, Đại Cồ Việt Hà Nội

⁸² Đại học tổng hợp Greenwich, Vương Quốc Anh

⁸³ Đại học Nha Trang, 02 Nguyễn Đình Chiểu, TP. Nha Trang

⁸⁴ Học viện Kỹ thuật Quân sự, 236 Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

⁸⁵ Đại học Thủy lợi, 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

⁸⁶ Đại học Thủy lợi, 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

cho sinh viên mới ra trường, cũng như tham gia kiểm định chương trình (chủ động, hoặc thụ động). Cải thiện khả năng có việc làm của sinh viên đã trở nên rất có ý nghĩa do sức ép của các bên có liên quan bao gồm nhà tuyển dụng và sinh viên và cơ quan quản lý [1,2,3]. 82% nhà tuyển dụng đánh giá kỹ năng công việc là yêu cầu cao nhất đối với sinh viên ra trường [2]; tự quản lý, làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề, kỹ năng trao đổi thông tin, ứng dụng công nghệ tin học, ứng dụng tính toán là những yếu tố cùng làm nên những phẩm chất mà nhà tuyển dụng cần thiết.

Các công ty vừa và nhỏ (SME) đang ngày càng chứng tỏ được vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân thông qua việc đóng góp tới 40% GDP và góp phần tạo ra hơn nửa triệu việc làm, tuyển dụng trên 51% nguồn lực lao động [4]. Tuy nhiên, cộng đồng doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp, tập đoàn lớn và SME đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức. Chúng ta đã chứng kiến một số lượng lớn doanh nghiệp phải giải thể hoặc ngừng hoạt động trong giai đoạn 2011-2015, từ 83,600 còn 77,500 và 69,800 tương ứng trong những năm 2010, 2011 và 2012. Tổng số công ty dừng hoạt động và giải thể (DDOC) là 60,700 chỉ riêng trong năm 2013. Trong khi đó, số doanh nghiệp mới cũng tăng liên tiếp 11.9% và 12.5% tương ứng trong thời kỳ 2 năm 2012, 2011. Đặc biệt, trong năm 2015, có khoảng 81,000 DDOC, tăng 19% so với năm 2014. Tính riêng 12/2015, tổng số Công ty và SME giải thể hoặc dừng hoạt động tăng 80.6% [5]. Tính trong 7 tháng đầu năm 2016, có khoảng 42,630 DDOC, và có tới 9,621 công ty mới được thành lập. Số liệu thống kê trên về DDOC có liên quan trực tiếp với số sinh viên tốt nghiệp không có việc làm tại Việt Nam. Hàng năm có khoảng 1.5 triệu sinh viên tốt nghiệp từ tổng số trên 230 trường đại học. Đây là con số lớn hơn nhiều so với nhu cầu việc làm của nền kinh tế dẫn đến sinh viên vừa ra trường sẽ gặp nhiều khó khăn hơn khi tìm công việc phù hợp. Tính tới hết năm 2016, theo nhiều thống kê, có trên 220 ngàn sinh viên (cử nhân và cao học) ra trường chưa có việc làm. So với năm 2010, số sinh viên không có việc làm phù hợp năm 2014 đã tăng 103%.

Ở Việt nam, SME đang phải đối mặt với những rào cản và những vấn đề nan giải thuộc về trình độ quản lý và nguồn lực chất lượng thấp. Hầu hết các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ của SME Việt phụ thuộc mạnh vào mối quan hệ và hợp tác với các đối tác nước ngoài. Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, có rất ít công ty đầu tư vào R&D. Do tính sáng tạo trong sản phẩm rất nhỏ, dẫn đến sự cạnh tranh yếu ớt không chỉ trong thị trường toàn cầu mà ngay chính ở thị trường trong nước. Thị trường luôn kiếm tìm những sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao, do vậy những công ty thành công luôn phải đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp cần hiểu rõ sự đổi mới sáng tạo sản phẩm và quy trình áp dụng [4]. Đặc biệt, những công ty lớn và công ty liên doanh thường thu hút nguồn lực lao động có trình độ cao và có nhiều kinh nghiệm, với những chính sách dễ chịu về lương, cơ hội thăng tiến, sẽ gián tiếp làm giảm tính cạnh tranh của các doanh nghiệp SME bản địa.

Đứng trước thực trạng và thách thức này, việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, sẵn sàng cho hội nhập quốc tế, chủ động và sáng tạo trong nghiên cứu và phát triển là nhu cầu bức thiết đối với nền khoa học công nghệ nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung.

2. Mối quan hệ hợp tác nhà trường và doanh nghiệp - chìa khoá trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Một trong những tiếp cận hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực cao đã được thực hiện ở các nước có nền khoa học và công nghệ phát triển là hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Những công ty toàn cầu hiện nay như Intel, IBM, Apple, Ford, Honda, Samsung đều là những gương điển hình về thành công khi đặt những đầu bài nghiên cứu cho trường đại học. Intel đã hợp tác với đại học Arizona State University (ASU) để phát triển chương trình đào tạo đóng gói chip (Chip Packaging) tại Mỹ. Sau nhiều năm cố gắng, ASU đã thành công trong hỗ trợ cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực vi điện tử và bán dẫn, phục vụ chính Intel Việt nam và thị trường lao động cấp cao trong cả nước. Hợp tác với những công ty toàn cầu như Intel đã góp phần làm cho trường ASU trở thành đại học đứng thứ nhất nước Mỹ về sáng tạo, vượt lên trên cả

ĐH Stanford (đứng thứ 2) và MIT đứng thứ 3. Và cũng chính ASU đã cùng Intel tổ chức những khoá học đầu tiên, đào tạo giảng viên (train the trainer) phục vụ cho ngành đóng gói chip tại Việt Nam, hình 1.



Hình 1. Giám đốc kỹ thuật Intel Việt Nam khai mạc khoá đào tạo đóng gói chip cho giảng viên các trường đại học kỹ thuật, năm 2008.

Sự hợp tác **chặt chẽ giữa trường đại học và doanh nghiệp** là một trong những thành phần quan trọng của hệ sinh thái sáng tạo hiệu quả. Sinh viên cần phải được tích lũy kinh nghiệm làm việc trong quá trình học tập; và các **chương trình học tập thực tế; thực tập và chương trình kết hợp với công việc** đều có vai trò trong việc đạt được mục tiêu vừa nêu [5]. Thêm vào đó, mối quan hệ hợp tác và năng động giữa trường đại học và doanh nghiệp sẽ đóng góp vào 01) thiết kế và chuyển giao chương trình thích hợp với nhu cầu hiện tại và tương lai của doanh nghiệp; 02) kỹ năng được tích lũy phù hợp với yêu cầu tuyển dụng nhân lực trình độ cao; 03) doanh nghiệp cập nhật một cách hiệu quả kỹ năng của người lao động và coi đại học như là một nguồn cung cấp chuyên gia tin cậy để thực hiện điều đó; và 04) thiết lập văn hóa công ty và khởi nghiệp giữa sinh viên các trường đại học và đội ngũ giảng dạy.

3. Quy mô doanh nghiệp phù hợp trong hợp tác phát triển

Sự hợp tác doanh nghiệp - trường đại học không phải là khái niệm, hay một vấn đề mới ở các quốc gia có nền khoa học và công nghệ phát triển. Tuy nhiên, ở nước ta, điều này vẫn còn mới mẻ, vẫn còn đó sự do dự, chưa sẵn sàng. Trên thực tế, nghiên cứu cơ bản thường đi trước công nghệ được ứng dụng trong doanh nghiệp, và thường nghiên cứu cơ bản cần khá nhiều thời gian, công sức, đòi hỏi đầu tư rất tốt về trang thiết bị, và không ai có thể nói trước, nghiên cứu đó sẽ dẫn tới kết quả mong đợi hay không. Vì lý do này, những công ty vừa và nhỏ (SME) thường ít quan tâm, trong khi một số tập đoàn, công ty lớn sẽ sẵn sàng đầu tư khi các nhà khoa học chứng minh được ý tưởng của họ là độc đáo và có khả năng tạo ra sự đột phá về khoa học và công nghệ, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và lợi ích cho xã hội. Ví dụ, những nghiên cứu cơ bản về vật liệu quang bán dẫn hữu cơ được nghiên cứu nhiều chục năm trước đây, được Samsung chấp cánh, giờ là sản phẩm chủ đạo trong lĩnh vực màn hình hiển thị và thay thế dần màn hình tinh thể lỏng (LCD).



Hình 2. Ký kết hợp tác giữa AIST và Rạng Đông

Ví dụ điển hình gần đây là sự hợp tác giữa công ty bóng đèn phích nước Rạng Đông đã ký kết hợp tác nghiên cứu khoa học và công nghệ với Viện Tiên tiến Khoa học và Công nghệ (AIST), ĐH Bách Khoa Hà nội (HUST) vào 2008, hình 2. Sau đó gần nửa năm, các hoạt động nghiên cứu khoa học được triển khai tại cả HUST và RADO được triển khai, tại cả hai cơ sở. Sau gần 8 năm hợp tác, đã có nhiều kết quả được đưa vào ứng dụng trong cuộc sống được thể hiện thông qua 03 sáng chế với kết quả nổi bật đó là khả năng thu hồi và tái sử dụng bột huỳnh quang trong dây truyền sản xuất bóng đèn Compaq, nghiên cứu các loại bột huỳnh quang với bước sóng phát xạ khác nhau ứng dụng trong canh tác cây thanh long, hoa cúc, nuôi trồng tảo, nuôi cấy mô; được thể hiện ở rất nhiều sản phẩm như đèn huỳnh quang xuất khẩu, panel tấm chiếu cạnh; tính toán tản nhiệt cho bóng đèn LED. Có thể nói đây là một trong những ví dụ điển hình kết hợp nghiên cứu cơ bản từ trường đại học với một doanh nghiệp sản xuất để tạo ra những sản phẩm độc đáo, có hàm lượng khoa học và giá trị cộng thêm cao. Thông qua sự hợp tác này, 03 NCS đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, và giúp đào tạo hàng loạt cao học và kỹ sư tay nghề cao trong suốt thời gian hợp tác.

Một số doanh nghiệp lớn ở Việt Nam như Panasonic, Phillips, Honda, Foxcon, Canon... cũng đã ký kết những văn bản hợp tác với nhiều trường đại học. Thông thường những doanh nghiệp này có bộ phận R&D ở ngay chính nhà máy mà thông qua đó nếu hợp tác tốt với trường đại học, sẽ tạo ra đội ngũ kỹ thuật trình độ cao, phục vụ tốt cho bản thân nhà máy. Tuy nhiên, do cơ hội thực tập tại những doanh nghiệp này còn hạn chế cả về tần suất và thời lượng của mỗi đợt thực tập. Sự hợp tác đó, theo suy nghĩ chủ quan của tập thể tác giả, mới chỉ dừng ở mức trao học bổng, tuyển sinh viên khá, giỏi, sau khi tốt nghiệp để bù đắp vào sự thiếu hụt lực lượng lao động cao do nghỉ hoặc chuyển việc.

Tại Việt Nam, phần lớn những doanh nghiệp cỡ lớn, dồi dào về vốn, giỏi về quản trị, marketing chỉ tập trung đón nhận người lao động là sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học mà ít chú trọng tới việc cùng nhà trường bổ túc những kỹ năng, năng lực cần thiết hướng tới phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, sẵn sàng cho hội nhập quốc tế, có khả năng giải nhiều bài toán lớn của chính doanh nghiệp đó.

Những công ty nhỏ và vừa thường gặp khó khăn về vốn, kỹ năng quản trị, thường mạnh dạn ký kết các thoả thuận về hợp tác với các trường đại học, nhóm nghiên cứu do họ rất cần tận dụng thời gian, cho ra sản phẩm rất nhanh, thu hồi vốn và luân chuyển dòng tiền. Ví dụ, hệ thống phòng xét nghiệm CHEMEDIC, Việt Nam, thực hiện các phép phân tích, sàng lọc trước khi sinh, tầm soát ung thư... Trong quá trình thực hiện, CHEMEDIC phát hiện ra có một số khâu, là thiết bị tiêu hao của hệ thống, có thể phát triển trong nước, mà nếu làm tốt sẽ giảm sự phụ thuộc của doanh nghiệp với hàng ngoại nhập, giảm chi phí của bệnh nhân trong khi vẫn cải thiện được lợi nhuận của họ. Kết quả là, CHEMEDIC đã ký văn bản ghi nhớ về hợp tác khoa học với Viện Đào tạo

Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS) để cùng nhau tìm ra giải pháp cho các bài toán mà họ đặt ra. Kèm theo với biên bản ghi nhớ, đã có ít nhất hai nghiên cứu sinh và 4 học viên cao học đăng ký tham gia nghiên cứu.



Hình 3. Sinh viên, học viên ITIMS trong một buổi thực tập tại phòng xét nghiệm của CHEMEDIC

Tương tự, công ty Vijases, một đơn vị chuyên làm outsource (làm thuê ngoài) cho các doanh nghiệp Nhật Bản, sau một thời gian kinh doanh đã tìm cách phát triển những sản phẩm riêng của họ là các cảm biến điện hoá và thiết bị đo kèm theo, phục vụ nghiên cứu và ứng dụng trong nghiên cứu, cảnh báo môi trường và an toàn thực phẩm. Vijases đã quyết định đầu tư nhiều trang thiết bị cho nhóm nghiên cứu Kỹ thuật Y sinh và Vật liệu tiên tiến (BIOMAT), ĐH Bách Khoa Hà Nội từ 2013. Tới nay, các sản phẩm được nghiên cứu, phát triển, đã qua phần nghiên cứu cơ bản, đang đi vào giai đoạn thử nghiệm và thu hút được sự quan tâm của khách hàng và lãnh đạo nhà nước tại các cuộc triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ. Theo định hướng này, đã có 2 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sỹ cùng với 5 học viên cao học hoàn thiện chương trình Master tại ĐH Bách Khoa Hà Nội.

Những ví dụ tiêu biểu như trên cho thấy nếu chủ động, sáng tạo, doanh nghiệp lớn và SME đều có thể là đối tượng hợp tác của trường đại học, nhóm nghiên cứu.

4. Lấy khoa học và phát triển nhân lực làm trung tâm trong hợp tác doanh nghiệp – đại học

Giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học là môi trường khá thuần khiết, ít bị tác động nhất từ sự thay đổi của nền kinh tế, chính trị...tại một quốc gia. Trong khi đó, doanh nghiệp luôn phải tìm cách đổi mới, phát triển, luôn phải tối ưu hoá về mặt thời gian, nhân lực, vốn, cơ hội để đáp ứng các nhu cầu của thị trường, lấy tính hiệu quả của công việc làm mục đích tối thượng. Có thể thấy nếu doanh nghiệp chú trọng tới việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất kinh doanh thì vai trò nghiên cứu cơ bản (khoa học, kỹ thuật) lại được phát huy tốt trong trường đại học. Quá trình thảo luận giữa doanh nghiệp/nhóm nghiên cứu/phòng thí nghiệm, nếu lấy sự phát triển khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực cao làm trung tâm, bỏ qua sự khác biệt về cách tiếp cận, về văn hoá, chắc chắn sẽ đi tới kết quả tốt đẹp thông qua biên bản ghi nhớ, hợp đồng nghiên cứu. Thông qua đó, doanh nghiệp vừa có thể giải quyết được một phần hoạt động nghiên cứu và phát triển, đồng thời, doanh nghiệp cũng có thể thông qua các hoạt động nghiên cứu để tuyển lựa những cá nhân phù hợp, đóng góp vào các hoạt động kinh doanh của họ. Trường đại học, thông qua các đề tài nghiên cứu chung, do doanh nghiệp và trường đại học cùng đề xuất, sẽ có những sản phẩm khoa học chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, có khả năng tham gia tích cực và trực tiếp vào phát triển các ngành khoa học, công nghệ và nền kinh tế quốc dân.

5. Kết luận

Việt Nam đang chứng kiến sự chuyển mình, đi từ một nền khoa học công nghệ gia công, lấy nhân công giá rẻ làm điều kiện thương thảo với các nhà sản xuất, sang nền kinh tế tri thức, dịch chuyển về đầu chuỗi giá trị. Điều này có nghĩa là, các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài có ý định kinh doanh bền vững tại Việt Nam sẽ có sự chuẩn bị theo chiều sâu, nâng cao tính cạnh tranh ở thị trường trong nước và quốc tế. Tháng 3, 2016, Samsung Electronic Việt nam đã chính thức nhận giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án Trung tâm R&D tại quận Hoàng Mai (Hà Nội). Với tổng vốn đầu tư 300 triệu USD. Đây được xem là dự án trung tâm R&D quy mô lớn nhất tại Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại. Dự án có tổng diện tích sàn xây dựng hơn 116.000 m², cao 21 tầng, 2 tầng hầm và sẽ đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2020, thu hút khoảng 4.000 nhân viên. Thông qua đây, Samsung cũng đã một lần nữa cam kết mạnh mẽ mong muốn hợp tác của họ với các trường đại học, viện nghiên cứu trong phát triển nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành sản xuất điện tử tại Việt Nam. Chúng tôi tin tưởng, sau Samsung Electronic Việt Nam, sẽ có nhiều doanh nghiệp, công ty triển khai các hoạt động tương tự. Trong bối cảnh này, trường đại học cũng cần có sự thay đổi, cởi mở, mạnh dạn để theo kịp sự phát triển của nền công nghiệp ở nước ta. Kết quả nghiên cứu nhằm tìm ra những giải pháp cho sự hợp tác sẽ tiếp tục được nhóm tác giả thực hiện và công bố ở những công trình tiếp sau.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tập thể giảng viên các trường đại học kỹ thuật tại Việt Nam và Vương quốc Anh thực hiện trong khuôn khổ dự án HAPIE, do Hội đồng Anh tài trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Emily Beaumont *et al.* (2016) Am I employable? Understanding students' employability confidence and their perceived barriers to gaining employment. *Journal of Hospitality, Leisure, Sport & Tourism Education*, Volume 19, November 2016, Pages 1-9
2. Wilson, T. (2012). A Review of Business-University Collaboration by Professor Sir Tim Wilson, Accessed 2016 https://www.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/32383/12-610-wilson-review-business-university-collaboration.pdf
3. Sarson, S. (2013). Employability Agenda, *Times Higher Education*, Accessed 15.05.15 (<http://www.timeshighereducation.co.uk/comment/letters/employability-agenda/2002949.article>).
4. Uyen H. P. Phan *et al* (2015). Key Determinants of SMEs in Vietnam. *Combining Quantitative and Qualitative Studies. Review of European Studies*; 7 (1): 359-375.
5. News about the disbanded and discontinued operating companies and SMEs: www.cafebiz.vn [Access: August 2016]
6. Evrim Kabukcu (2015). Creativity process in innovation oriented entrepreneurship: The case of Vakkö. *Procedia - Social and Behavioral Sciences* 195: 1321-1329.
7. Sánchez, J. C. (2011). University training for entrepreneurial competencies: Its impact on intention of venture creation. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 7(2), 239-254.